



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Chương 5: Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ

FOREIGN TRADE
UNIVERSITY



I. Tổng quan về NHTW

1. Sự ra đời của NHTW
2. Định nghĩa NHTW
3. Các mô hình NHTW
4. Chức năng của NHTW



1. Sự ra đời của NHTW

Thế kỷ 15 đến thế kỷ 19

Ngân hàng thương mại đa
năng - Doanh nghiệp kinh
doanh tiền tệ

Giữ tiền
Cho vay
Thanh toán

Phát hành tiền

Bảo lãnh
Chiết khấu thương
phiếu...

Bất ổn trong lưu
thông tiền tệ

Sự can thiệp của
Nhà nước

Ngân hàng phát
hành

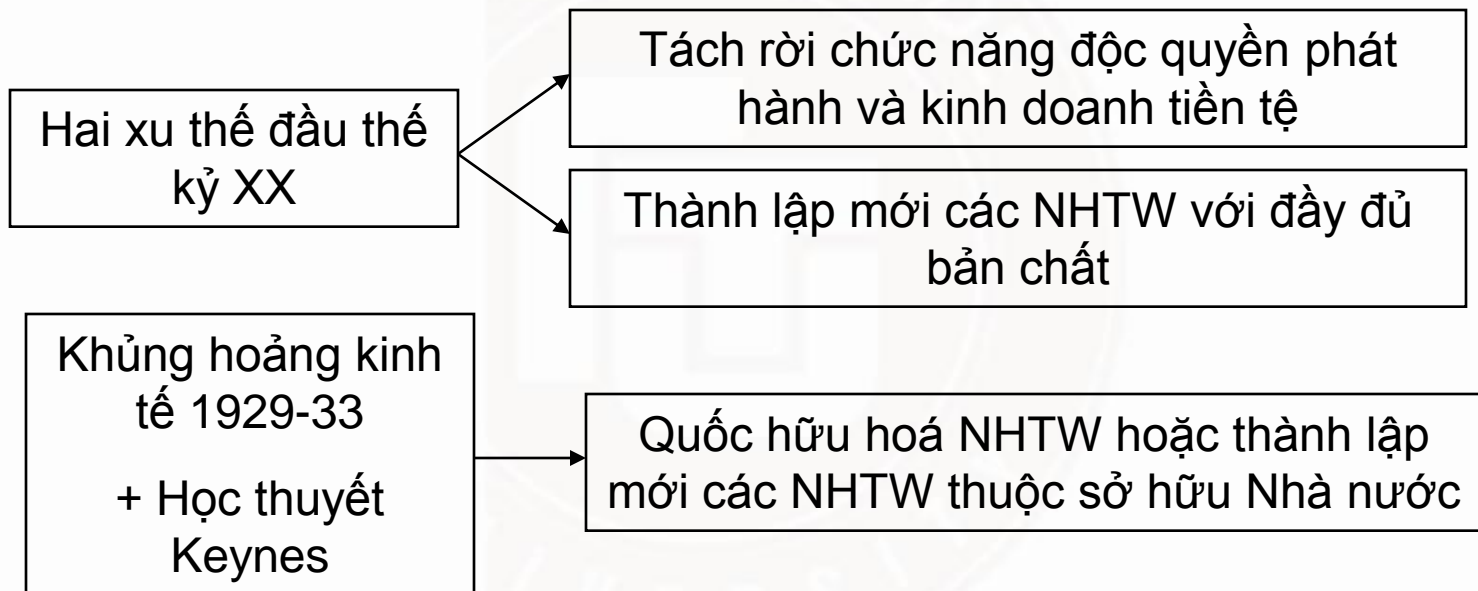
Ngân hàng trung
gian

**Sự phân hoá hệ
thống Ngân hàng**



Sự ra đời của NHTW

Từ đầu TK 20 đến nay



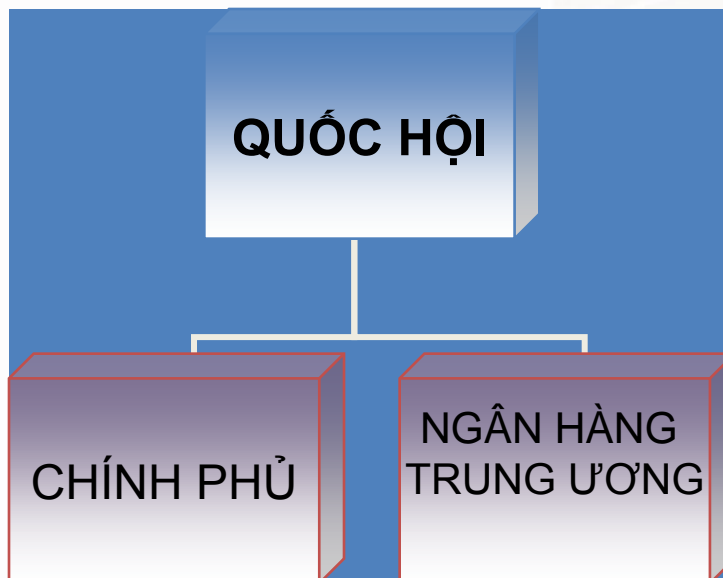


2. Định nghĩa NHTW

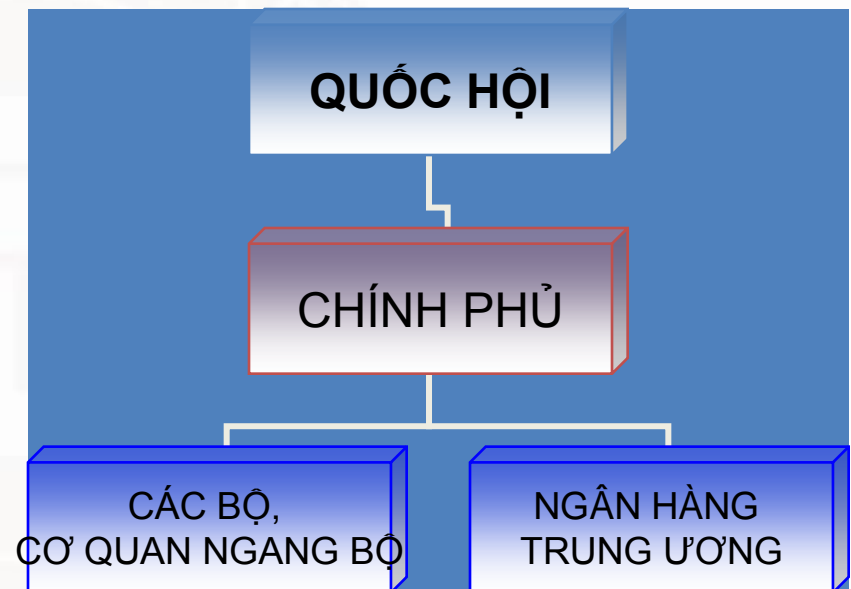
NHTW là một định chế tài chính công thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về hoạt động lưu thông tiền tệ tín dụng (là ngân hàng phát hành tiền, là ngân hàng của các ngân hàng, là ngân hàng của Chính phủ).

3. Các mô hình NHTW

NHTW độc lập Chính phủ



NHTW trực thuộc Chính phủ





4. Chức năng của NHTW

- a. Độc quyền phát hành tiền
- b. NHTW là ngân hàng của Chính phủ
- c. NHTW là ngân hàng của các ngân hàng



4a. Độc quyền phát hành tiền

- NHTW là thể chế duy nhất được Nhà nước cho phép phát hành tiền nhằm đảm bảo thống nhất và an toàn cho hệ thống lưu thông tiền tệ quốc gia
- Đồng tiền do NHTW phát hành là tiền pháp định
- Nguyên tắc phát hành tiền:
 - + Trong lịch sử, nguyên tắc phát hành tiền phải có vàng đảm bảo: NHTW được yêu cầu phát hành tiền giấy trên cơ sở có vàng đảm bảo
 - + Phát hành tiền phải dựa trên nhu cầu của nền kinh tế



4b. NHTW là ngân hàng của Chính phủ

- Làm thủ quỹ cho KBNN thông qua quản lý tài khoản của Kho bạc
- NHTW cho Chính phủ vay tiền
- NHTW làm đại lý, đại diện và tư vấn cho Chính phủ.



4c. NHTW là ngân hàng của các ngân hàng

- NHTW mở tài khoản và nhận tiền gửi của các ngân hàng trung gian dưới 2 hình thức:
 - + Dự trữ bắt buộc: là số tiền các NHTM phải gửi tại một tài khoản tại NHTW
 - Số tiền DTBB = Tỷ lệ DTBB x Tổng số dư tiền gửi
 - + Tiền gửi thanh toán
- NHTW cho các NHTM vay tiền: dưới hình thức tái chiết khấu (chiết khấu lại các giấy tờ có giá ngắn hạn do các NHTM đưa đến, chủ yếu là tín phiếu KB và thương phiếu)
- NHTW thực hiện chức năng là trung tâm thanh toán cho các ngân hàng trung gian.



II. Chính sách tiền tệ

- 1) Các phép đo lường tiền cung ứng
- 2) Mục tiêu của chính sách tiền tệ
- 3) Các công cụ của chính sách tiền tệ



1. Các phép đo lường tiền cung ứng

$$M_0 = C$$

$$M_1 = C + DD = M_0 + DD$$

$$M_2 = C + DD + \text{tiền gửi không phát séc} + \text{Tiền gửi có kỳ hạn}$$
$$= C + \text{Tiền gửi ngân hàng}$$

$$M_3 = M_2 + \text{Tiền gửi tại các định chế phi NH}$$
$$= C + \text{Các loại tiền gửi}$$

$$L = M_3 + \text{Những thứ khác có thể được coi là tiền}$$



Số nhân tiền tệ (m)

- Giả định khối tiền trong nghiên cứu là $MS = M_1$

$$MS = M_1 = C + DD$$

-Cơ số tiền tệ:

$$MB = C + RR + ER$$

$$m = \frac{MS}{MB} = \frac{C + DD}{C + RR + ER} = \frac{c + 1}{c + r_b + r_e}$$



2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ

a. Khái niệm

CSTT là chính sách kinh tế vĩ mô mà NHTW sử dụng để làm thay đổi lượng tiền cung ứng nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế đã đề ra từ trước.

- CSTT bành trướng (mở rộng)
- CSTT thắt chặt



2. Mục tiêu của chính sách tiền tệ

b) Mục tiêu của chính sách tiền tệ

- Mục tiêu cuối cùng:
 - Ổn định giá cả, ổn định lạm phát
 - Tạo công ăn việc làm cho nền kinh tế
 - Tăng trưởng kinh tế
- > Mối quan hệ giữa các mục tiêu
- Mục tiêu trung gian



3. Các công cụ của chính sách tiền tệ

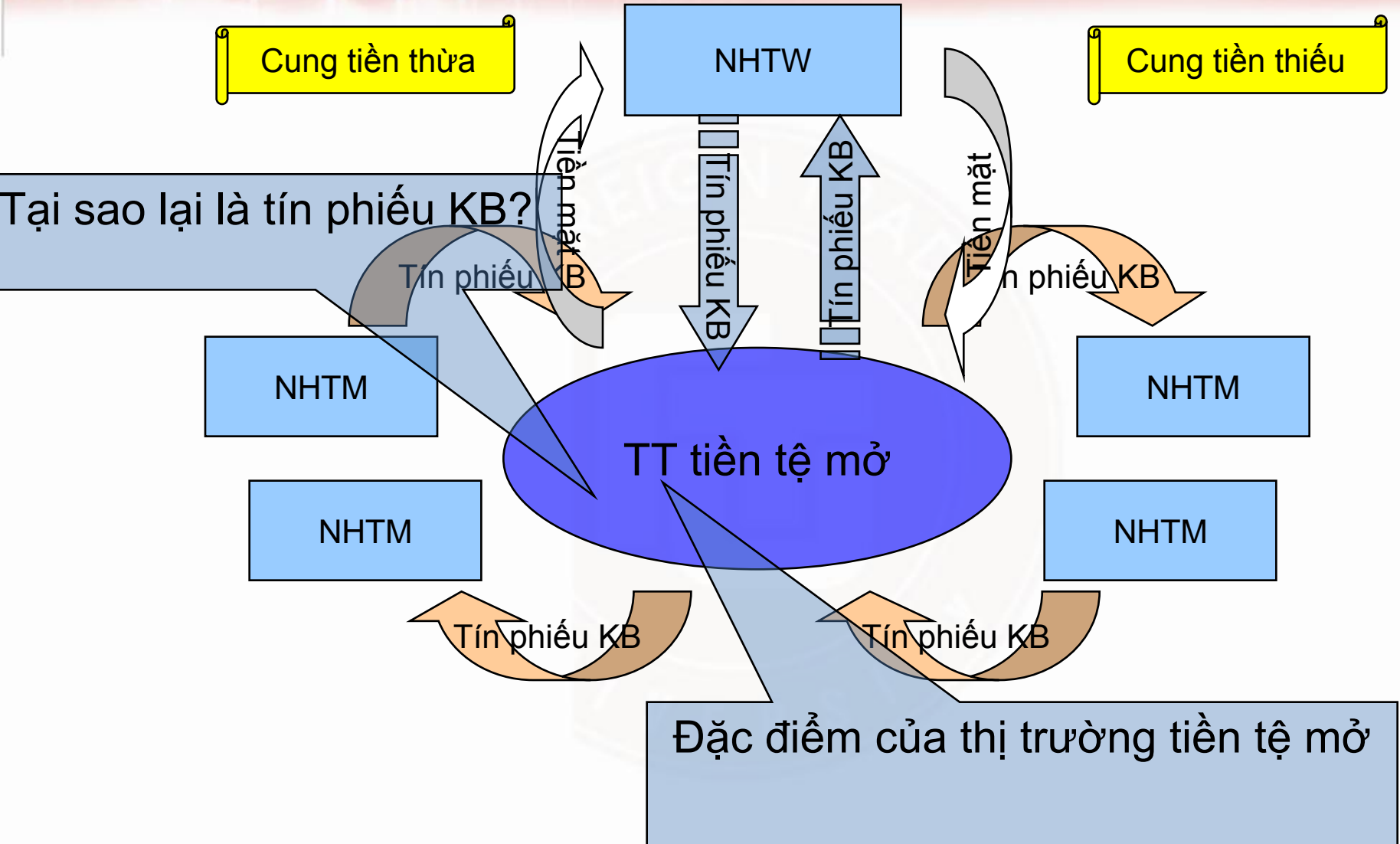
- a) Nghiệp vụ thị trường mở
- b) Nghiệp vụ tái chiết khấu
- c) Tỷ lệ dự trữ bắt buộc



a. Nghiệp vụ thị trường mở

Là hoạt động NHTW mua, bán giấy tờ có giá ngắn hạn mà chủ yếu là tín phiếu Kho bạc trên thị trường tiền tệ mở để làm thay đổi lượng tiền mặt của các NHTM -> ảnh hưởng đến khả năng tạo tiền gửi thông qua cung ứng tín dụng của hệ thống ngân hàng -> thay đổi lượng tiền cung ứng

a. Nghiệp vụ thị trường mở



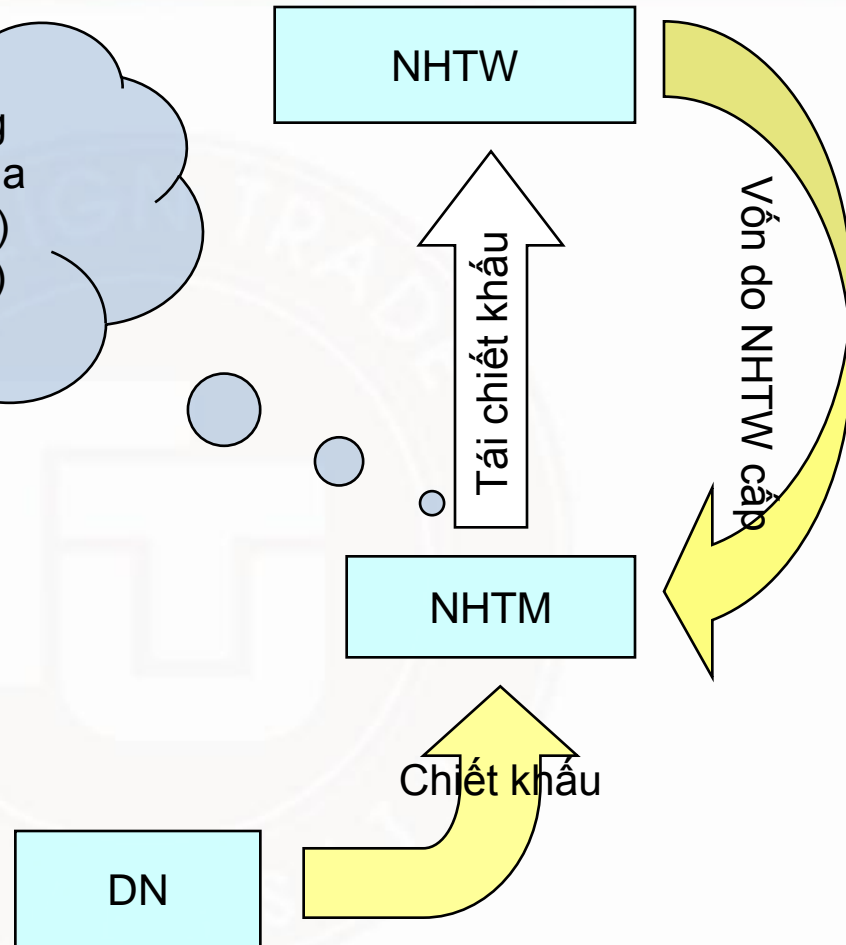


a. Nghiệp vụ thị trường mở

- Ưu điểm:
 - + Độ linh hoạt và chính xác cao, có thể sử dụng ở bất kỳ mức độ nào
 - + NHTW dễ đảo ngược tình thế khi có một quyết định sai lầm về việc sử dụng công cụ này.
 - + Việc thực hiện có thể được hoàn thành nhanh chóng
- Nhược điểm
 - + Công cụ không phát huy tác dụng nếu các NHTM không phản ứng với hoạt động của NHTW
 - + Có thể làm méo mó TTCK do NHTW có thể mua với giá cao, bán với giá thấp để đạt được mục đích điều tiết vĩ mô của mình

b. Nghiệp vụ tái chiết khấu

Tái chiết khấu giống như một quan hệ mua bán với giá (lãi suất) và lượng (hạn mức) sẽ làm thay đổi cầu đối với việc TCK





b. Nghiệp vụ tái chiết khấu

- Ưu điểm:

- + Các khoản vay chắc chắn được thu hồi khi đến hạn do được đảm bảo bằng các giấy tờ có giá
- + Mỗi NHTM có một mức tái chiết khấu khác nhau nên có thể điều chỉnh tùy theo sự ưu tiên

- Nhược điểm:

- + Công cụ chỉ phát huy tác dụng khi các NHTM có nhu cầu vay từ NHTW
- + NHTW khó kiểm soát được hoàn toàn những tác động của công cụ này
- + Có thể gây hiểu nhầm tác dụng phụ của nghiệp vụ này là tác dụng thông báo



c. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc

- Tại sao NHTW lại quy định tỷ lệ DTBB?
- + Đảm bảo khả năng thanh toán cho NHTM trước nhu cầu rút tiền mặt của khách hàng
- + Là công cụ điều hành chính sách tiền tệ
- Cơ chế tác động: theo 3 cách
- + Tỷ lệ DTBB tăng -> khả năng cho vay của các NHTM giảm
- + Tỷ lệ DTBB tăng -> khả năng mở rộng tiền gửi của hệ thống NH giảm
- + Tỷ lệ DTBB tăng -> giảm cung vốn của NHTM -> tăng lãi suất liên ngân hàng -> tăng lãi suất dài hạn, MS giảm



c. Tỷ lệ dự trữ bắt buộc

- Ưu điểm:
 - + Tác động một cách bình đẳng tới tất cả các ngân hàng
 - + Một sự thay đổi nhỏ có thể thay đổi đáng kể lượng tiền cung ứng
 - + Đảm bảo khả năng thanh toán cho các NHTM
- Nhược điểm:
 - + Thiếu linh hoạt
 - + Mang tính hành chính, cưỡng chế -> dễ gây phản ứng từ phía các NHTM
 - + Tăng DTBB có thể gây nên vấn đề mất khả năng thanh khoản ngay đối với một ngân hàng có dự trữ vượt mức thấp
 - + Có thể gây ra tình trạng kém ổn định cho các ngân hàng



III. Lạm phát

1. Khái niệm
2. Đo lường lạm phát
3. Phân loại lạm phát
4. Nguyên nhân lạm phát



1. Khái niệm lạm phát

Lạm phát là sự gia tăng liên tục của mức giá tổng quát





2. Đo lường lạm phát

- a. Đo lường bằng sự tăng lên của chỉ số CPI
- b. Đo lường bằng sự tăng lên của chỉ số PPI
- c. Đo lường bằng chỉ số giảm phát của tổng sản phẩm quốc nội



3. Phân loại lạm phát

a. Phân loại theo mức độ

- Lạm phát vừa phải
- Lạm phát phi mã
- Siêu lạm phát

b. Theo khả năng dự đoán

- Lạm phát có thể dự kiến được
- Lạm phát không thể dự kiến được



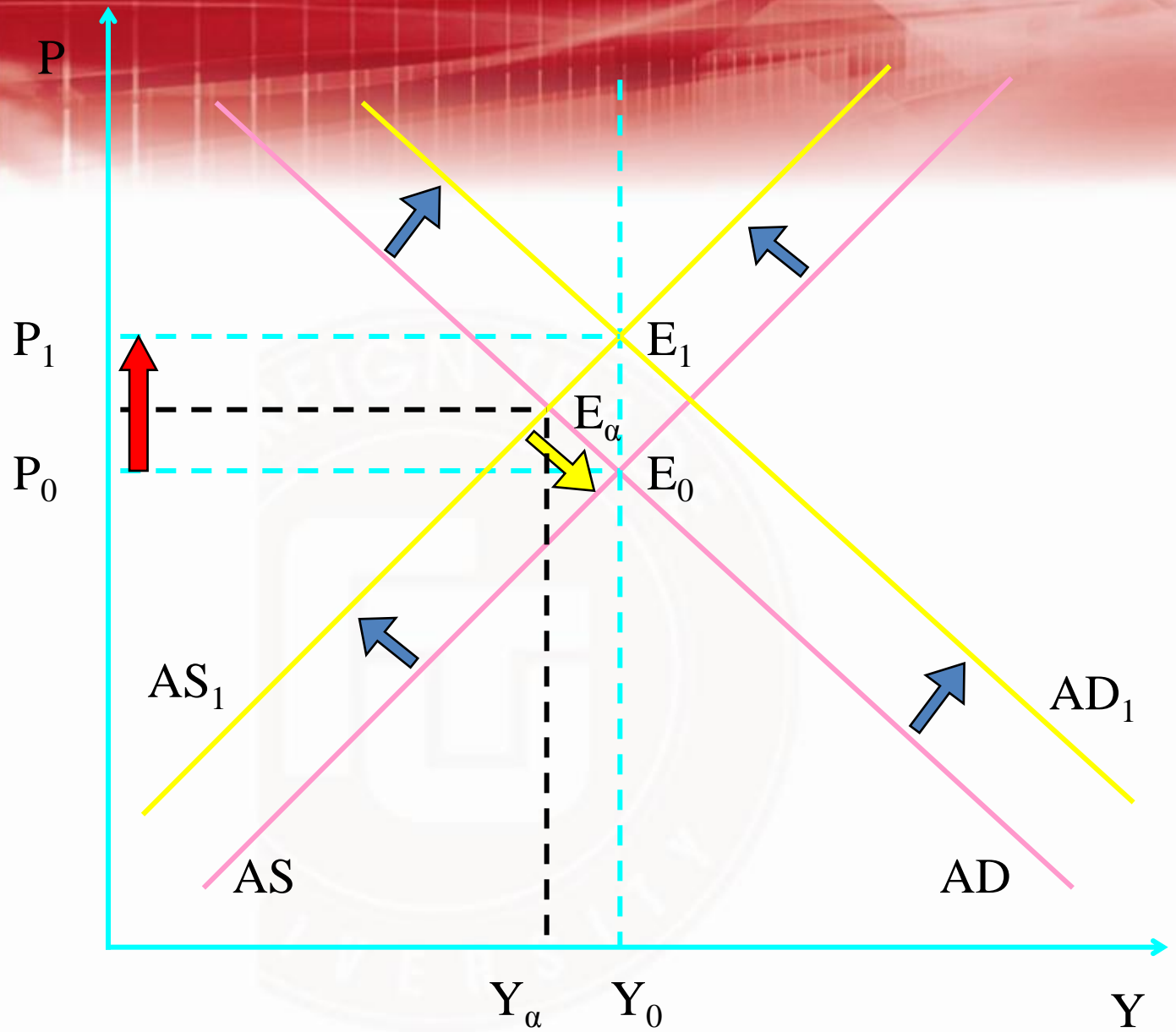
4. Nguyên nhân lạm phát

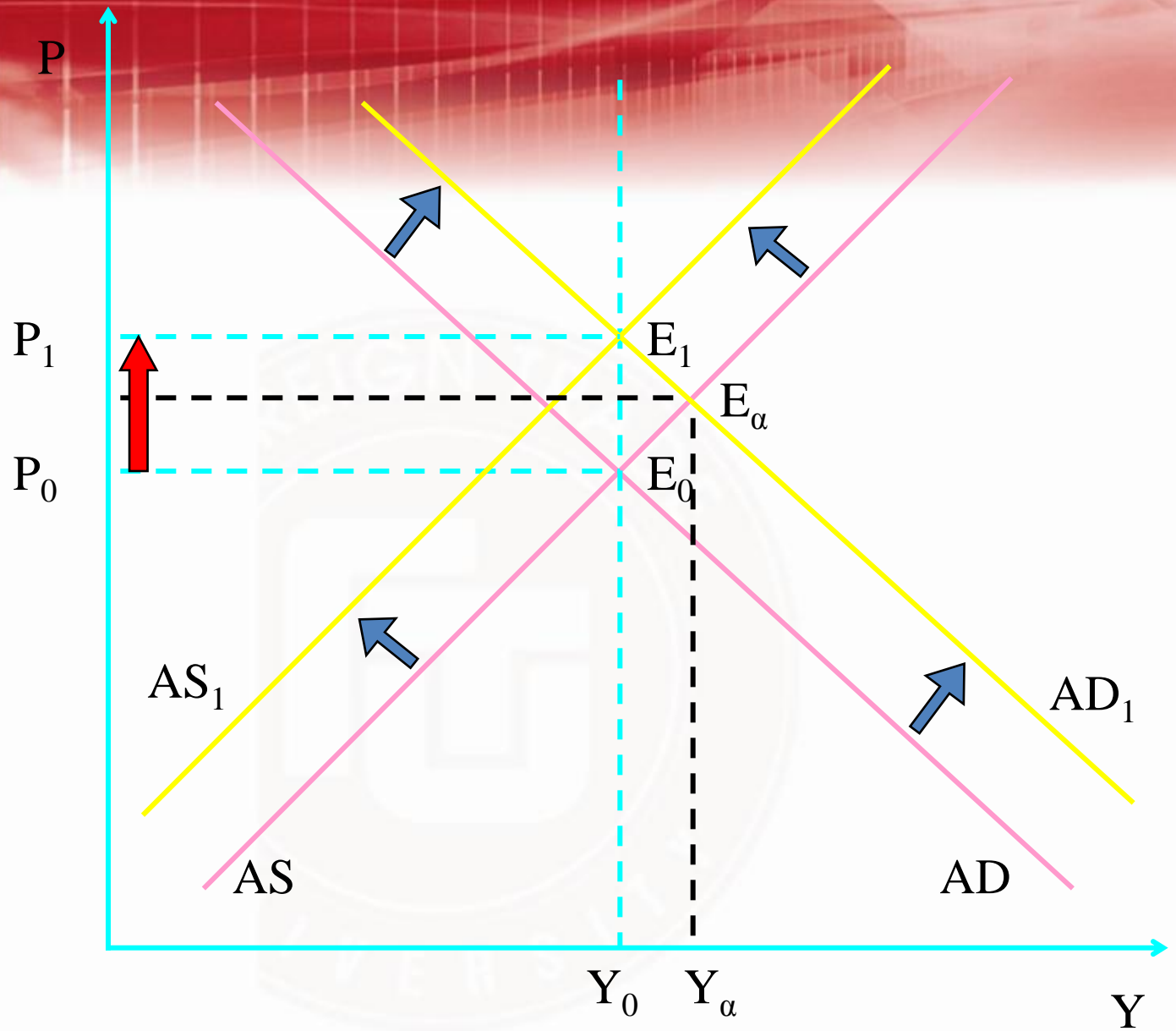
- a. Lạm phát chi phí đẩy
- b. Lạm phát cầu kéo





Lạm phát chi phí đẩy







Câu hỏi 1

Ngân hàng trung ương có nhiệm vụ:

- a. Phát hành tiền
- b. Làm trung gian thanh toán cho các ngân hàng trong nước
- c. Cả a và b



Câu hỏi 2

Trong các mục tiêu của chính sách tiền tệ:

- a. Mục tiêu ổn định giá cả và giảm thất nghiệp chỉ mâu thuẫn với nhau trong ngắn hạn
- b. Mục tiêu tăng trưởng kinh tế và tạo công ăn việc làm thống nhất với nhau
- c. Cả a và b



Câu hỏi 3

Chính sách tiền tệ KHÔNG sử dụng công cụ:

- a. Nghiệp vụ thị trường mở
- b. Tỷ lệ dự trữ quá mức
- c. Tái chiết khấu thương phiếu



Câu hỏi 4

Trong các chỉ tiêu sau, chỉ tiêu nào thường được dùng nhất để phản ánh mức độ lạm phát của nền kinh tế:

- a. Tốc độ tăng của chỉ số CPI
- b. Tốc độ tăng của giá vàng
- c. Tốc độ tăng của chỉ số PPI
- d. Tốc độ tăng giá ngoại hối